

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HS-ST

Ngày 27- 6 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Ngọc Hoa và bà Đặng Thị Xuân.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Triệu Thị Tuyết, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Trường, Kiểm sát viên.

Ngày 27/6/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2023/TLST-HS ngày 19/5/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2023/QĐXXST-HS ngày 12/6/2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức B (Tên gọi khác: Không có), sinh ngày 04/4/1973 tại huyện MH, tỉnh HY; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khu 2, xã VT, huyện NS, tỉnh BK; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: Lớp 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình M và bà Lê Thị Th (Đều đã chết); Vợ là Hứa Thị G. Có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1986, trú tại: Tổ nhân dân HD, thị trấn YL, huyện NR, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa;

2. Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1977, trú tại: Tổ 8B, phường PCK, thành phố BK, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa;

3. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972, trú tại: Khu 2, xã VT, huyện NS, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa;

4. Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1973, trú tại: Thôn NM, xã TM, huyện NS, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa;

5. Ông Triệu Văn T, sinh năm 1984, trú tại: Tổ dân phố NN, thị trấn NP, huyện NS, tỉnh BK. Có mặt tại phiên tòa;

6. Bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1979, trú tại: Khu phố, xã VT, huyện NS, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa;

7. Ông Trần Phú S, sinh năm 1973, trú tại: Khu Chợ 2, xã BV, huyện NS, tỉnh BK. Có mặt tại phiên tòa;

8. Ông Đồng Phúc T, sinh năm 1981, trú tại: Khu 2, xã VT, huyện NS, tỉnh BK. Vắng mặt tại phiên tòa;

9. Bà Hứa Thị G, sinh năm 1979, trú tại: Khu 2, xã VT, huyện NS, tỉnh BK. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hộ kinh doanh Nguyễn Đức B, địa chỉ: Khu 2, xã VT, huyện NS, tỉnh BK được Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện NS cấp giấy chứng đăng ký hộ kinh doanh. Ngành, nghề kinh doanh: Gia công cơ khí, nhôm kính, vật liệu gỗ, thiết bị điện nước; bán hàng văn phòng phẩm, tạp hóa, đồ chơi trẻ em và hàng hóa bán lẻ khác. Người đại diện theo pháp luật là Nguyễn Đức B. Được Cục Thuế tỉnh BK cấp mã số thuế: 4700146202.

Quá trình điều tra đối với Nguyễn Đức B xác định: Từ năm 2019 đến năm 2022, B đăng ký mua, sử dụng 05 quyển hóa đơn tại Chi cục Thuế khu vực BB - NS - PN, gồm: Quyển số 001986, năm 2018 đã xuất 49 số hóa đơn, hỏng 01 số hóa đơn; Quyển số 1851, năm 2019 đã xuất 43 số, hỏng 07 số hóa đơn; Quyển số 0000356, năm 2020 đã xuất 49 số hóa đơn, hỏng 01 số hóa đơn; Quyển số 0001608, năm 2020 đã xuất 21 số hóa đơn, hỏng 02 số hóa đơn, cắt góc hủy 27 số hóa đơn bán hàng; Quyển số 0000166, năm 2021 đã xuất 36 số hóa đơn, hỏng 03 số hóa đơn, chưa dùng 11 số hóa đơn.

Quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh Nguyễn Đức B đã bán hóa đơn cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu. Từ tháng 4/2019 đến tháng 6/2022, B bán trái phép 14 số hóa đơn bán hàng đã ghi nội dung, nhưng không có hàng hóa dịch vụ kèm theo với giá bán bằng 10% tổng số tiền ghi trên mỗi hóa đơn. Tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 139.737.500đ (*Một trăm ba mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng*), thu tiền bán hóa đơn là 13.973.750đ (*Mười ba triệu, chín trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng*). B nộp số tiền Thuế bằng 4,5% tổng số tiền ghi trên hóa đơn (Gồm 3% Thuế giá trị gia tăng thông thường và 1,5% Thuế thu nhập cá nhân) với Chi cục Thuế khu vực BB - NS - PN. Cụ thể như sau:

1. Bán cho bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1977, trú tại tổ 8B, phường PCK, thành phố BK, nguyên kế toán Tòa án nhân dân (TAND) huyện NS hóa đơn bán hàng số 0099252, ghi ngày 23/4/2019. Cụ thể, Năm 2019, TAND huyện NS tiến hành xét xử lưu động tại xã TÂ; xã BV; Trường THPT NS; thị trấn NP. Quá trình xét xử, bà Hoàng Út L và ông Lý Sinh H là cán bộ Tòa án đã ứng trước để thanh toán các chi phí, nhưng không có hóa đơn. Bà H đã báo cáo và

thống nhất với Chánh án đơn vị mua hóa đơn để hoàn thiện chứng từ thanh toán. Khoảng tháng 3/2019 bà H đến gặp Nguyễn Đức B thỏa thuận mua hóa đơn với giá bằng 10% tổng số tiền ghi trên hóa đơn, B đồng ý và nhờ vợ là bà Hứa Thị G viết cho hóa đơn bán hàng số 0099252 ghi ngày 23/4/2019, ghi tên người mua hàng là ông Lý Sinh H, tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 8.750.000đ (*Tám triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) để B ký. Ngày 13/4/2023, TAND huyện NS đã nộp hoàn trả ngân sách Nhà nước số tiền 8.750.000đ (*Tám triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) nêu trên.

2. Bán cho ông Hoàng Văn T, sinh năm 1986, trú tại tổ nhân dân HD, thị trấn YL, huyện NR, Kế toán TAND huyện NS 04 hóa đơn, cụ thể: Trong tháng 11/2021 và tháng 5/2022, TAND huyện NS tổ chức xét xử lưu động các vụ án tại xã BV, xã TM. Quá trình xét xử, cán bộ đơn vị đã ứng trước để thanh toán các chi phí, nhưng không có hóa đơn. Do đó, ông T đã báo cáo, thống nhất với Chánh án đơn vị mua hóa đơn để hoàn thiện chứng từ thanh toán. Ông T liên hệ với Nguyễn Đức B mua hóa đơn với giá bằng 10% tổng số tiền trên mỗi hóa đơn, B đồng ý và nhờ vợ viết cho 04 số hóa đơn bán hàng, gồm: Hóa đơn số 0080360, ngày 07/12/2021, người mua hàng La Quỳnh A, nội dung: Thuê xe xét xử lưu động, số tiền ghi trên hóa đơn là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*); Hóa đơn số 0080362, ngày 07/12/2021, người mua hàng La Quỳnh A, nội dung: Thuê xe xét xử lưu động, số tiền ghi trên hóa đơn 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*); Hóa đơn số 0008284, không ghi ngày tháng năm, người mua hàng Hoàng Út L, nội dung: Thuê xe xét xử lưu động, số tiền ghi trên hóa đơn 4.800.000đ (*Bốn triệu, tám trăm nghìn đồng*); Hóa đơn số 0008285, ngày 30/6/2022, người mua hàng Hoàng Út L, nội dung: Thuê xe xét xử lưu động, số tiền ghi trên hóa đơn 5.500.000đ (*năm triệu, năm trăm nghìn đồng*). Tổng số tiền ghi trên 4 hóa đơn là 16.300.000đ (*Mười sáu triệu, ba trăm nghìn đồng*). Số tiền B bán hóa đơn là 1.630.000đ (*Một triệu, sáu trăm ba mươi nghìn đồng*). Ngày 13/4/2023, TAND huyện NS đã nộp hoàn trả ngân sách Nhà nước số tiền 16.300.000đ (*Mười sáu triệu, ba trăm nghìn đồng*) nêu trên.

3. Bán cho bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972, trú tại Khu 2, xã VT, huyện NS, Kế toán Kho bạc Nhà nước huyện NS 03 hóa đơn, cụ thể:

Tháng 6/2021, Kho bạc Nhà nước huyện NS thực hiện việc vệ sinh bề phốt và sửa chữa hệ thống điều hòa, khi đã thi công xong, cán bộ đơn vị đã ứng tiền thanh toán cho đơn vị thi công. Do đơn vị thi công không viết được hóa đơn, nên bà H báo cáo và thống nhất với Giám đốc đơn vị mua hóa đơn để hoàn thiện chứng từ thanh, quyết toán. Bà H thỏa thuận mua hóa đơn với giá bằng 10% tổng số tiền trên mỗi hóa đơn, Nguyễn Đức B đồng ý và nhờ bà G viết 03 số hóa đơn bán hàng, gồm: Hóa đơn số 0017774, ngày 26/6/2021, người mua hàng Nguyễn Quốc T, nội dung: Tháo dỡ và lắp đặt lại tấm bê tông, mặt bằng bề phốt; thông hút; nạo vét chất cặn bã, vệ sinh bề phốt, số tiền ghi trên hóa đơn 21.250.000đ (*Hai mươi một triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng*); Hóa đơn số 0080363, ngày 20/12/2021, người mua hàng Nguyễn Quốc T, nội dung: Nhân công bảo dưỡng điều hòa, số tiền ghi trên hóa đơn 10.670.000đ (*Mười triệu, sáu*

trăm bảy mươi nghìn đồng); Hóa đơn số 0080370, ngày 27/12/2021, người mua hàng Nguyễn Quốc T, nội dung: Men xử lý bề phốt DW97, bột thông tắc bồn cầu yuhao, số tiền ghi trên hóa đơn 2.150.000đ (*Hai triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng*). Số tiền B bán hóa đơn là 3.407.000đ (*Ba triệu, bốn trăm linh bảy nghìn đồng*).

4. Bán cho bà Hoàng Thị N, sinh năm 1973, trú tại thôn NM, xã TM, huyện NS, Hiệu trưởng Trường Mầm non TQ, huyện NS 02 hóa đơn. Năm 2021 Trường Mầm non TQ đổ bê tông, lát gạch sân trường và lắp đặt rèm cửa các lớp học, nhưng không có hóa đơn chứng từ để thanh, quyết toán. Bà N liên lạc với Nguyễn Đức B thỏa thuận mua hóa đơn với giá bằng 10% tổng số tiền trên mỗi hóa đơn, B đồng ý và nhờ bà G viết 02 số hóa đơn bán hàng, cụ thể: Hóa đơn số 0017791, ngày 14/9/2021, người mua hàng Nguyễn Thu H, nội dung: Rèm cửa điểm trường NK, PĐ, SC, số tiền trên hóa đơn 15.517.500đ (*Mười năm triệu, năm trăm mười bảy nghìn, năm trăm đồng*); Hóa đơn số 0080371, ngày 23/12/2021, người mua hàng Hoàng Thị Thanh L, nội dung: Cát; sỏi, xi măng La Hiên, nhân công đổ bê tông, gạch Hạ Long lát nền, nhân công lát gạch men, số tiền ghi trên hóa đơn 43.910.000đ (*Bốn mươi ba triệu, chín trăm mười nghìn đồng*). Số tiền B bán hóa đơn là 5.942.750đ (*Năm triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, bảy trăm năm mươi đồng*).

5. Bán cho ông Triệu Văn T, sinh năm 1984, trú tại tổ dân phố NN, thị trấn NP, huyện NS, Cán bộ Trung tâm y tế huyện NS, hóa đơn bán hàng số 0092512, ngày 04/11/2020, cụ thể: Ngày 21/10/2020, Trung tâm y tế huyện NS mua các loại nẹp gỗ xương đùi, nẹp gỗ xương cẳng chân... của xưởng gỗ gia dụng Nguyễn Văn Q, địa chỉ: thôn BS, xã VT, huyện NS, nhưng không có hóa đơn. Do vậy, ông Triệu Văn T liên hệ với Nguyễn Đức B thỏa thuận mua hóa đơn với giá bằng 10% tổng số tiền ghi trên hóa đơn, B đồng ý và nhờ bà G viết hóa đơn bán hàng số 0092512, ngày 04/11/2020, nội dung: Các loại nẹp xương đùi, nẹp cẳng chân, nẹp cánh, cẳng tay cho ông B ký. Tổng số tiền ghi trên hóa đơn 3.900.000đ (*Ba triệu, chín trăm nghìn đồng*) và kèm theo phiếu báo giá để ông T làm chứng từ thanh toán. Số tiền B bán hóa đơn là 390.000đ (*Ba trăm chín mươi nghìn đồng*).

6. Bán cho bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1979, trú tại KP, xã VT, huyện NS, Phó Hiệu trưởng Trường Mầm non xã TM hóa đơn bán hàng số 0017765, ngày 19/5/2021, cụ thể: Năm học 2020-2021, Trường Mầm non xã TM mua đồ dùng, trang phục phục vụ việc học tập, vui chơi cho trẻ, gồm: 10 bộ đồ nấu ăn; 04 bể chơi cát nước; 12 bộ trang phục biểu diễn (trang phục Công an) trên Internet với số tiền là 2.781.000đ (*Hai triệu, bảy trăm tám mươi một nghìn đồng*). 10 tấm biển bạt “Vườn cổ tích” với Cửa hàng quảng cáo ĐV, địa chỉ: tổ 2, phường SC, thành phố BK với giá tiền là 4.500.000 đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*), nhưng không lấy được hóa đơn. Do vậy, bà Đ liên hệ với Nguyễn Đức B thỏa thuận mua hóa đơn với giá bằng 10% tổng số tiền ghi trên hóa đơn, B đồng ý và nhờ bà G viết hộ hóa đơn bán hàng số 0017765, ngày 19/5/2021, người mua hàng: Đinh Thị C, nội dung: Biển bạt “Vườn cổ tích”.... Tổng số tiền ghi trên hóa đơn

8.090.000 đ (*Tám triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng*). Số tiền B bán hóa đơn là 809.000 đ (*Tám trăm linh chín nghìn đồng*).

7. Bán cho ông Trần Phú S, sinh năm 1973, trú tại KC2, xã BV, huyện NS hóa đơn bán hàng số 0017773, ngày 22/6/2021, cụ thể: Khoảng tháng 5/2021, UBND xã ĐV sửa chữa, lắp đặt máy bơm nước, đã liên hệ và giao khoán cho ông S thực hiện. Sau khi làm xong, do không có hóa đơn nên đã liên hệ mua hóa đơn với Nguyễn Đức B thỏa thuận số tiền mua hóa đơn bằng 10% tổng số tiền ghi trên hóa đơn, B đồng ý và nhờ bà G viết cho hóa đơn bán hàng số 0017773, ngày 22/6/2021, người mua hàng: Hà Thị N, nội dung: Máy bơm nước và các thiết bị lắp đặt máy bơm. Tổng số tiền ghi trên hóa đơn 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*). Số tiền B bán hóa đơn là 600.000 đ (*Sáu trăm nghìn đồng*).

8. Bán cho ông Đồng Phúc T, sinh năm 1981, trú tại K2, xã VT, huyện NS, Cán bộ Bảo hiểm xã hội huyện NS hóa đơn số 0008260, ngày 29/3/2022, cụ thể:

Ngày 17/3/2022, Bảo hiểm xã hội huyện NS thuê ông Dương Anh T, địa chỉ: KP, xã VT, huyện NS thực hiện tháo lắp mái tôn và nhân công vận chuyển máy phát điện. Do ông T không cung cấp được hóa đơn, nên ông T đã thống nhất với Kế toán và Giám đốc đơn vị để mua hóa đơn. Ông T liên hệ và thống nhất mua hóa đơn của B với giá bằng 10% tổng số tiền ghi trên hóa đơn, B đồng ý và nhờ bà G viết hóa đơn bán hàng số 0008260, ngày 29/3/2022, người mua hàng Đồng Phúc T, nội dung: Nhân công tháo lắp mái tôn, dây Cudisun, nhân công di chuyển máy phát điện. Tổng số tiền ghi trên hóa đơn 3.200.000đ (*Ba triệu, hai trăm nghìn đồng*). Số tiền B bán hóa đơn là 320.000đ (*Ba trăm hai mươi nghìn đồng*).

Ngày 04/11/2022 Cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét chỗ ở, nơi làm việc của Nguyễn Đức B. Kết quả không phát hiện, thu giữ đồ vật, tài liệu liên quan.

Tại văn bản số 652/CCTKV-NVQLT, ngày 14/11/2022 của Chi cục Thuế khu vực BB - NS - PN, trả lời về việc xác định số thuế phải nộp đối với 14 số hóa đơn trên, như sau: Tổng số tiền Nguyễn Đức B thu được từ việc bán trái phép 14 hoá đơn nêu trên là: 13.973.750đ (*Mười ba triệu, chín trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng*). Tổng số tiền thuế phải nộp với 14 hoá đơn bán trái phép là: 2.829.800đ (*Hai triệu, tám trăm hai mươi chín nghìn, tám trăm đồng*), số tiền thuế đã nộp là: 2.767.050 đ (*Hai triệu, bảy trăm sáu mươi bảy nghìn, không trăm năm mươi đồng*), số tiền còn phải nộp 62.750đ (*Sáu mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi đồng*). Xác định B thu lợi bất chính số tiền 11.206.700đ (*Mười một triệu, hai trăm linh sáu nghìn, bảy trăm đồng*).

Tại bản kết luận giám định số 94/KL-KTHS và 95/KL-KTHS ngày 17/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn, kết luận: Chữ viết trên hóa đơn bán hàng liên 1 mẫu cần giám định (ký hiệu từ A1, ...đến A14) và liên 2 mẫu cần giám định (ký hiệu từ A15 đến A28) với chữ viết của bà Hứa Thị G trên bản tự khai ngày 15/02/2023 là do cùng một người viết ra; Chữ ký “B” chữ viết “Nguyễn Đức B” dưới mục “Người bán hàng” trên các hóa đơn bán

hàng liên 1 mẫu cần giám định (ký hiệu A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7, A8, A9, A13, A14) và liên 2 mẫu cần giám định (ký hiệu từ A15 đến A28) với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Đức B trên bản tự khai ngày 30/10/2022 là do cùng một người ký, viết ra.

Tại Bản cáo trạng số 26/CT-VKSBK-P1, ngày 18/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã truy tố Nguyễn Đức B về tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật hình sự (BLHS), điều luật có nội dung:

“ 1. Người nào in, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách nhà nước ở dạng phôi từ 50 số đến dưới 100 số hoặc hóa đơn, chứng từ đã ghi nội dung từ 10 số đến dưới 30 số hoặc thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

.....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm ...”.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh và điều khoản như đã viện dẫn ở trên, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xử phạt bị cáo hình phạt chính là phạt tiền, mức phạt từ 50 triệu đến 70 triệu đồng. Xử lý vật chứng và án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo tại phiên tòa đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội danh, điều luật là đúng, không oan, bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định:

Từ tháng 4/2019 đến tháng 6/2022, Nguyễn Đức B đã bán trái phép 14 hoá đơn bán hàng, gồm hàng tạp hóa và vật liệu xây dựng, đã ghi nội dung cho các đơn vị, cá nhân trên địa bàn huyện NS, tỉnh BK. Tổng số tiền ghi trên hóa đơn là 139.737.500đ (*Một trăm ba mươi chín triệu, bảy trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng*). Tiền bán hóa đơn với mức 10% trên mỗi hóa đơn, tương ứng với số tiền là 13.973.750đ (*Mười ba triệu, chín trăm bảy mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng*). Sau khi nộp thuế, bị cáo thu lợi bất chính số tiền 11.206.700đ (*Mười một triệu, hai trăm linh sáu nghìn, bảy trăm đồng*).

Hành vi nêu trên của bị cáo đã cấu thành tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 203 BLHS. Việc Cáo trạng truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đã xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước đối với hóa đơn thu nộp ngân sách nhà nước, quy định của nhà nước về quản lý tài chính tiền tệ, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương, do đó cần thiết phải có một hình phạt tương xứng nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nguyễn Đức B có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, được hưởng các tình tiết giảm nhẹ “*Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”, “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Trong quá trình điều tra, bị cáo đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính tại Cơ quan Thi hành án dân sự, đã thể hiện “*ý thức chấp hành pháp luật*” của bị cáo nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền thu lợi bất chính không lớn. Sau khi tội phạm xảy ra, bị cáo đã có ý thức nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính. Bên cạnh đó, chính sách pháp luật hiện nay đối với các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, đã hướng đến việc, buộc người có hành vi vi phạm nộp lại khoản tiền đã gây thất thoát cho Nhà nước, thì có thể giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hơn nữa, chính sách pháp luật liên quan đến các tội phạm về kinh tế có xu hướng tăng cường phạt tiền. Xét thấy, chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đảm bảo, răn đe và tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng:

Đối với 05 quyển hóa đơn; 14 tờ hóa đơn bán hàng liên 2 cùng tài liệu kèm theo và Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, là các tài liệu chứng minh tội phạm nên cần lưu theo hồ sơ vụ án.

Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước. Đối với số tiền bị cáo đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[6] Tình tiết khác của vụ án:

- Đối với bà Hứa Thị G, sinh năm 1979, trú tại K2, xã VT, huyện NS là vợ của bị cáo. Quá trình điều tra xác định, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, Nguyễn Đức B trực tiếp điều hành. Do B chữ viết xấu, viết hay sai chính tả, nên nhờ vợ viết hóa đơn hộ, trừ mục người bán hàng và người mua hàng do B và khách hàng ký, viết họ, tên. Bà G không tham gia vào việc buôn bán hàng hóa, khi viết hóa đơn chỉ thực hiện viết những nội dung B yêu cầu, G không biết B bán trái phép hóa đơn, không được hưởng lợi từ việc bán hóa đơn. Do đó, hành vi của G không đồng phạm cùng B. Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với G là đúng quy định.

- Đối với các cá nhân: Nguyễn Thị Minh H, Hoàng Văn T, Nguyễn Thị H, Triệu Văn T, Trần Phú S, Hoàng Thị Đ và Đồng Phúc T, quá trình điều tra xác định: Từ năm 2019 đến 2022 có hành vi mua hóa đơn trái phép với Nguyễn Đức B là vi phạm quy định của pháp luật, nhưng đều dưới mức định lượng nên không đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*” quy định tại Điều 203 BLHS. Cơ quan điều tra không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự, nhưng đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức là phù hợp.

- Đối với bà Hoàng Thị N, Hiệu trưởng Trường mầm non TQ mua 02 hóa đơn với Nguyễn Đức B và mua 08 hóa đơn với Hộ kinh doanh Hoàng Thị Thanh L, địa chỉ: Thôn ĐG, xã VT, huyện NS. Tổng cộng bà N mua 10 (mười) hóa đơn. Ngày 19/4/2023, Cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án để điều tra theo quy định.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức B phạm tội “*Mua bán trái phép hóa đơn*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 203; điểm s và i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức B số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

2.1 Lưu theo hồ sơ vụ án, gồm:

- 01 (một) Quyền hóa đơn bán hàng số 001986, mẫu số 02GTTT3/003, ký hiệu 47AA/18P, từ số 0099251 đến số 0099300, năm 2018;

- 01 (một) Quyền hóa đơn bán hàng số 1851, mẫu số 02GTTT3/004, ký hiệu 47AA/19P, từ số 92501 đến số 92550, năm 2019;

- 01 (một) Quyền hóa đơn bán hàng số 0000356, mẫu số 02GTTT3/004, ký hiệu 47AA/20P, từ số 0017751 đến số 0017800, năm 2020;

- 01 (một) Quyền hóa đơn bán hàng số 0001608, mẫu số 02GTTT3/004, ký hiệu 47AA/20P, từ số 0080351 đến số 0080400, năm 2020;

- 01 (một) Quyền hóa đơn bán hàng số 0000166, mẫu số 02GTTT3/004, ký hiệu 47AA/21P, từ số 0008251 đến số 0008300, năm 2021;

- 14 tờ liên 2 hóa đơn bán hàng, gồm: số 0080371 ghi ngày 23/12/2021, số 0017791 ghi ngày 14/9/2021, số 0017774 ghi ngày 28/6/2021, số 0080362 ghi ngày 20/12/2021, số 0080370 ghi ngày 27/12/2021, số 0099252 ghi ngày 23/4/2019, số 0080363 ghi ngày 07/12/2021, số 0080360 ghi ngày 07/12/2021, số 0008284 không ghi ngày tháng năm, số 0008285 ghi ngày 30/6/2022, số 0017765 ghi ngày 19/5/2021, số 0092512 ghi ngày 04/11/2020, số 0017773 ghi ngày 22/6/2021 và số 0008260 ghi ngày 29/3/2022 của Hộ kinh doanh Nguyễn Đức B, địa chỉ K2, xã VT, huyện NS, tỉnh BK cùng tài liệu kèm theo;

- Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

2.2 Buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 11.206.700đ (*Mười một triệu, hai trăm linh sáu nghìn, bảy trăm đồng*) để sung quỹ Nhà nước.

2.3 Tạm giữ số tiền 11.200.000đ (*Mười một triệu, hai trăm nghìn đồng*) Nguyễn Đức B đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000141 ngày 01/3/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được Bản án sao hoặc niêm yết Bản án./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOạ PHIÊN TOà**

- Phòng Cảnh sát kinh tế CA tỉnh;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- THAHS;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS;
- Lưu.

Nguyễn Khánh Phương